

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
1	Biện pháp tổ chức thi công		
1.1	Am hiểu của nhà thầu về gói thầu: a. Hiểu biết về gói thầu, vị trí dự án; b. Hiểu biết về thuận lợi, khó khăn của mặt bằng thi công.	Nhà thầu có hiểu biết đúng và chi tiết về gói thầu đáp ứng (a) và (b).	Đạt
		Nhà thầu có hiểu biết sai về gói thầu hoặc hiểu đúng nhưng chỉ đáp ứng (a) hoặc (b).	Không đạt
1.2	Mức độ đáp ứng yêu cầu về vật tư chính: Nhà thầu cần chào thầu rõ ràng chủng loại/ nguồn gốc/xuất xứ/ thương hiệu của vật tư chính cụ thể dưới đây: - Đối với vật tư có nguồn gốc khai thác tự nhiên: cát xây dựng, đá phải nêu rõ nguồn gốc, mỏ khai thác; - Đối với vật tư là sản phẩm công nghiệp: xi măng, cột bê tông, cáp quang, ống nhựa phải nêu rõ nhà sản xuất hoặc cơ sở sản xuất, thương hiệu.	- Nhà thầu chào thầu rõ ràng; - Có nêu rõ đặc điểm, chủng loại, tính chất của vật tư và phù hợp với hồ sơ thiết kế; - Có hợp đồng nguyên tắc với bên cung cấp vật tư. - Có phương án hợp lý, chi tiết về việc cung ứng vật tư, vật liệu đảm bảo tiến độ thi công và đáp ứng được khi tăng tiến độ thi công.	Đạt
		- Nhà thầu chào thầu không rõ ràng; - Không nêu hoặc nêu không rõ đặc điểm, chủng loại, tính chất của vật tư hoặc nêu nhưng không phù hợp với hồ sơ thiết kế hoặc nêu nhưng thiếu nhiều hơn 01 vật tư theo yêu cầu; - Không có hoặc có hợp đồng nguyên tắc với bên cung cấp vật tư, tuy nhiên thiếu nhiều hơn 01 vật tư theo yêu cầu. - Không có hoặc có phương án về việc cung ứng vật tư, vật liệu đảm bảo tiến độ thi công và đáp ứng được khi tăng tiến độ thi công nhưng không chi tiết/hợp lý.	Không đạt
1.3	Tổ chức mặt bằng công trường: a. Mặt bằng bố trí công trường, thiết bị thi công, kho bãi tập kết vật liệu, thiết bị; b. Bố trí rào chắn, biển báo;	- Có bản vẽ tổ chức mặt bằng công trường hợp lý và vị trí rõ ràng; - Có giải pháp tổ chức mặt bằng công trường đầy đủ các nội dung trên; - Các giải pháp đảm bảo khả thi và phù hợp với với biện pháp thi công, tiến độ thi công.	Đạt

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
	c. Giải pháp cấp điện, cấp nước, thoát nước, giao thông nội bộ, liên lạc trong quá trình thi công.	- Không có hoặc có bản vẽ tổ chức mặt bằng công trường nhưng chưa hợp lý/rõ ràng; - Không có hoặc có giải pháp tổ chức mặt bằng công trường, nhưng không đầy đủ các nội dung trên; - Có các giải pháp nhưng không khả thi hoặc không phù hợp với biện pháp thi công, tiến độ thi công.	Không đạt
1.4	Hệ thống tổ chức của nhà thầu tại công trường (bao gồm sơ đồ và nội dung thuyết minh).	Có đủ sơ đồ và nội dung thuyết minh. Sơ đồ ít nhất thể hiện được thành phần chính tham gia dự án. Thuyết minh ít nhất thể hiện được mục đích, chính sách của hệ thống tổ chức của nhà thầu; chức năng, nhiệm vụ, cơ chế phối hợp của các thành phần chính tham gia dự án.	Đạt
		Không có sơ đồ; hoặc không có nội dung thuyết minh; hoặc sơ đồ không thể hiện được thành phần chính tham gia dự án; hoặc thuyết minh không thể hiện được mục đích/chính sách/chức năng/nhiệm vụ/cơ chế phối hợp.	Không đạt
1.5	Cách thức tổ chức quản lý về dự án, tổ chức quản lý về hiện trường	Có Sơ đồ và thuyết minh giải pháp cho các nội dung trên một cách chi tiết, khả thi và phù hợp với điều kiện của dự án.	Đạt
		Không có hoặc thiếu sơ đồ/thuyết minh hoặc có giải pháp cho các nội dung trên nhưng không khả thi/không phù hợp với điều kiện của dự án.	Không đạt
2	Biện pháp kỹ thuật thi công (bao gồm bản vẽ và thuyết minh)		
2.1	Thi công, lắp đặt theo hồ sơ thiết kế, bao gồm nhưng không giới hạn bởi các nội dung chính sau: Tháo dỡ, xây dựng hạ tầng, lắp đặt hoàn trả.	Có biện pháp đầy đủ, chi tiết, khả thi và phù hợp với yêu cầu của gói thầu và điều kiện thi công dự án.	Đạt
		Không có hoặc có biện pháp nhưng không đầy đủ/chi tiết hoặc biện pháp không khả thi/không phù hợp với yêu	Không đạt

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		cầu của gói thầu và điều kiện thi công dự án.	
3	Tiến độ thi công		
3.1	Trình bày bảng tiến độ thi công dưới dạng biểu đồ ngang, thể hiện rõ ràng và chi tiết từng công việc chính. Mỗi công việc cần ghi tên rõ ràng, thời gian bắt đầu, thời gian kết thúc. Biểu đồ phải trực quan, dễ theo dõi, giúp xác định trình tự thực hiện, thời gian hoàn thành từng hạng mục và tổng thể dự án.	Trình bày đầy đủ các nội dung trên, tiến độ phù hợp với biện pháp thi công và có tiến độ thi công không vượt quá 250 ngày.	Đạt
		Trình bày không đầy đủ các nội dung trên hoặc không phù hợp với biện pháp thi công hoặc có tiến độ thi công vượt quá 250 ngày.	Không đạt
3.2	Bảng/biểu đồ huy động nhân sự (cán bộ, công nhân), huy động thiết bị kèm theo bảng tiến độ thi công.	- Có biểu đồ huy động nhân sự được nêu rõ số lượng nhân sự; - Có bảng huy động thiết bị được thể hiện dạng biểu đồ ngang và nêu rõ tên loại thiết bị; - Bảng/biểu đồ huy động phù hợp với bảng tiến độ thi công và biện pháp thi công.	Đạt
		- Không có bảng huy động nhân sự hoặc bảng không nêu rõ số lượng nhân sự; - Không có bảng huy động thiết bị hoặc bảng huy động không thể hiện tên loại thiết bị. - Bảng/biểu đồ huy động không phù hợp với bảng tiến độ thi công/biện pháp thi công.	Không đạt
3.3	Biện pháp đảm bảo tiến độ thi công và giải pháp bù tiến độ khi chậm.	Có đề xuất biện pháp chi tiết, hợp lý, khả thi.	Đạt
		Không đề xuất hoặc có đề xuất biện pháp nhưng không hợp lý/ không khả thi.	Không đạt
3.4	Biện pháp bảo đảm tiến độ thi công khi xảy ra các tình huống bất trắc: mất điện, mưa bão.	Có đề xuất biện pháp hợp lý, phù hợp với điều kiện thi công, biện pháp thi công.	Đạt
		Không đề xuất hoặc có đề xuất biện pháp nhưng không hợp lý/ không phù	Không đạt

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		hợp với điều kiện thi công, biện pháp thi công.	
4	Biện pháp bảo đảm chất lượng		
4.1	Hệ thống quản lý chất lượng nội bộ của nhà thầu.	Nhà thầu trình bày hệ thống quản lý chất lượng nội bộ của nhà thầu (bao gồm sơ đồ, thuyết minh). Trình bày một cách chi tiết.	Đạt
		Nhà thầu không hoặc có trình bày hệ thống quản lý chất lượng nội bộ của nhà thầu nhưng thiếu sơ đồ hoặc thuyết minh hoặc trình bày không chi tiết.	Không đạt
4.2	Quản lý chất lượng vật tư: a. Giải pháp kiểm tra chất lượng vật tư; b. Giải pháp xử lý vật tư khi phát hiện không phù hợp với yêu cầu của thiết kế.	Có giải pháp chi tiết, hợp lý và phù hợp với biện pháp thi công.	Đạt
		Không có hoặc có giải pháp nhưng không chi tiết/ không hợp lý/ không phù hợp với biện pháp thi công.	Không đạt
4.3	Quản lý chất lượng cho từng công tác thi công.	Các biện pháp/giải pháp được trình bày chi tiết, nội dung phù hợp với biện pháp thi công.	Đạt
		Không có hoặc có biện pháp/giải pháp được trình bày quá sơ sài hoặc nội dung không phù hợp với biện pháp thi công.	Không đạt
4.4	Lập và ghi nhật ký thi công.	Có giải pháp/biện pháp chi tiết và phù hợp với quy định, quy phạm.	Đạt
		Không có hoặc có giải pháp/biện pháp nhưng không phù hợp với quy định, quy phạm.	Không đạt
4.5	Nghiệm thu, lập bản vẽ hoàn công và quản lý tài liệu công trình.	Có kế hoạch thực hiện, giải pháp/quy trình thực hiện các nội dung trên. Các nội dung được trình bày chi tiết, phù hợp với quy định, quy phạm.	Đạt
		Không đề xuất hoặc có đề xuất kế hoạch thực hiện, giải pháp/quy trình thực hiện nhưng không đủ nội dung trên hoặc các nội dung được trình bày không chi tiết/không phù hợp với quy định, quy phạm.	Không đạt

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
5	Vệ sinh môi trường, phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động		
5.1	Biện pháp giảm thiểu, bảo vệ môi trường: Chất thải, phế thải, vệ sinh, tiếng ồn, bụi, khói, đường bên ngoài công trường.	- Có đề xuất biện pháp cho các nội dung trên. Biện pháp đảm bảo khả thi và phù hợp với các tiêu chuẩn quy định (nếu có).	Đạt
		- Không đề xuất hoặc có đề xuất biện pháp nhưng không đủ các nội dung trên; hoặc biện pháp không khả thi hoặc không phù hợp với các tiêu chuẩn quy định (nếu có).	Không đạt
5.2	Phòng chống cháy nổ.	Có đề xuất biện pháp cho nội dung trên. Biện pháp đảm bảo khả thi và phù hợp với các tiêu chuẩn quy định (nếu có).	Đạt
		Không đề xuất hoặc có đề xuất nhưng biện pháp không khả thi hoặc không phù hợp với các tiêu chuẩn quy định (nếu có).	Không đạt
5.3	Biện pháp thực hiện và kế hoạch đảm bảo an toàn lao động: - Tổ chức đào tạo, thực hiện và kiểm tra an toàn lao động; - Chính sách về quản lý an toàn lao động; - Sơ đồ tổ chức của bộ phận quản lý an toàn lao động; trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan. - Biện pháp bảo đảm an toàn lao động cho từng công đoạn thi công và từng công việc thi công theo biện pháp thi công; - Quy định về quy trình làm việc hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng hoặc định kỳ đối với các công việc có yêu cầu cụ thể đảm bảo an toàn lao động;	Có đề xuất biện pháp cho nội dung trên. Biện pháp đảm bảo khả thi và phù hợp với các quy định.	Đạt
		Không đề xuất hoặc có đề xuất nhưng biện pháp không khả thi hoặc không phù hợp với các quy định.	Không đạt

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
	- Quy trình thực hiện việc theo dõi, báo cáo công tác quản lý an toàn lao động định kỳ, đột xuất. - Biện pháp tổ chức sơ cấp cứu và ứng cứu khẩn cấp.		
5.4	Biện pháp đảm bảo an toàn khu vực xung quanh: - Bảo đảm an ninh, trật tự công trường/khu vực đóng quân; - Quản lý an toàn cho công trình và cư dân xung quanh công trường. - An toàn giao thông ra vào công trường;	Có đề xuất biện pháp cho nội dung trên. Biện pháp đảm bảo khả thi và phù hợp với các tiêu chuẩn quy định.	Đạt
		Không đề xuất hoặc có đề xuất nhưng biện pháp không khả thi hoặc không phù hợp với các tiêu chuẩn quy định.	Không đạt
6	Bảo hành		
6.1	Thời gian bảo hành công trình.	Đề xuất thời gian bảo hành công trình tối thiểu 12 tháng.	Đạt
		Không đề xuất hoặc đề xuất thời gian bảo hành công trình ít hơn 12 tháng.	Không đạt
6.2	Giải pháp/quy trình bảo hành.	Đề xuất giải pháp/quy trình bảo hành phù hợp với chương V của HSMT và theo đúng các quy định pháp luật.	Đạt
		Không đề xuất hoặc đề xuất giải pháp/quy trình bảo hành nhưng không phù hợp với chương V của HSMT hoặc không phù hợp theo đúng các quy định pháp luật.	Không đạt
7	Uy tín của nhà thầu và yếu tố khác		
7.1	Có cam kết không vi phạm về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.	Nhà thầu cam kết đúng theo yêu cầu trên.	Đạt
		Nhà thầu không cam kết đúng theo yêu cầu trên.	Không đạt

Ghi chú và lưu ý:

- Một hồ sơ dự thầu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật khi đảm bảo có tất cả các tiêu chí (tiêu chí là các chỉ tiêu yêu cầu tại số thứ tự như 1.1, 1.2,... của bảng trên) được đánh giá là “đạt”. Trường hợp nhà thầu “không đạt” một trong các tiêu chí thì hồ sơ dự thầu được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật.

- Một tiêu chí được đánh giá là “đạt” khi đáp ứng đầy đủ các nội dung tại “mức độ đáp ứng đạt”.

- Một tiêu chí chỉ tiết được đánh giá là “không đạt” khi đáp ứng một hoặc nhiều nội dung tại “mức độ đáp ứng không đạt”.

- Bảng trên có dấu “/” được hiểu là “hoặc”.

- Toàn bộ nội dung trình bày của nhà thầu cho các tiêu chí đánh giá phải phù hợp với yêu cầu kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật của gói thầu, phù hợp với điều kiện thi công, phạm vi thi công của dự án.

- Bảng tiến độ thi công phải trình bày chi tiết từng công việc cụ thể, không được sử dụng các cụm từ mang tính khái quát như "bao gồm", "v.v.", "..." hoặc bất kỳ cách diễn đạt nào hàm ý có thêm các công việc chưa xác định rõ.

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Phương pháp giá thấp nhất:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Bước 2. Hiệu chỉnh sai lệch thừa (thực hiện theo quy định tại Mục 28 E-CDNT);

Bước 3. Xác định giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 4. Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 29 E-CDNT

Bước 5. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), sau ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Trường hợp chủ đầu tư đưa ra các khoản tạm tính thì phần chi phí cho các khoản tạm tính, trong đó bao gồm chi phí công nhật sẽ được tách riêng và không được xem xét trong quá trình đánh giá E-HSDT để so sánh, xếp hạng các E-HSDT

Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT (nếu có)

Trường hợp cho phép nhà thầu đề xuất phương án kỹ thuật thay thế theo quy định tại Mục 12 E-CDNT, E-HSDT sẽ được đánh giá như sau: Không yêu cầu.